

ĐỀ ÁN

**xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh
đạt chuẩn mức 2, giai đoạn 2025 - 2030**

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I- SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, trực thuộc Tỉnh ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trường có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở và cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh về lý luận chính trị; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh.

Trường được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang (cũ) và Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh (cũ) theo Quyết định số 06-QĐ/TU ngày 01/7/2025 của Tỉnh ủy Bắc Ninh về thành lập Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh.

Trong thời gian qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao; tổ chức bộ máy được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, giảng viên ngày càng bảo đảm về số lượng, chất lượng; công tác đào tạo, bồi dưỡng từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng; công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đạt những kết quả quan trọng; cơ sở vật chất được đầu tư, nâng cấp; môi trường sư phạm, cảnh quan, văn hóa trường Đảng được quan tâm, tạo động lực cho đổi mới sáng tạo... Trường đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương độc lập hạng Nhì và nhiều phần thưởng cao quý khác cho tập thể và cá nhân. Tháng 01/2025, Trường được đón Bằng công nhận Trường Chính trị đạt chuẩn mức 1, kết quả đạt chuẩn mức 1 sớm hơn so với kế hoạch đề ra

và nằm trong топ 20 trường chính trị trong cả nước được công nhận đạt chuẩn mức 1. Kết quả đó, khẳng định vai trò, vị thế trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức của tỉnh.

Tuy nhiên, trong tổ chức các hoạt động của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ vẫn còn những khó khăn, hạn chế: Trình độ, năng lực của viên chức, người lao động chưa đồng đều, còn thiếu giảng viên có trình độ tiến sĩ; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, đánh giá có thời điểm, có việc chưa có chuyển biến tích cực; công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn được quan tâm nhưng hiệu quả chưa thực sự xứng tầm.

Để tiếp tục duy trì và phát huy các tiêu chí chuẩn mức 1, phấn đấu xây dựng Nhà trường đạt chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới, việc ban hành Đề án xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh đạt chuẩn mức 2, giai đoạn 2025 - 2030 là yêu cầu cấp thiết, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, qua đó, xây dựng lộ trình thực hiện một cách khoa học, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Mặt khác, sau hợp nhất, Bắc Ninh là địa phương hội tụ nhiều điều kiện để phát triển bứt phá, có nhiều dư địa để mở rộng không gian phát triển. Tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế, động lực phát triển mới, mạnh mẽ và bền vững với khát vọng trở thành một trong những cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế - công nghiệp lớn của cả nước. Mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 là xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị tỉnh Bắc Ninh trong sạch, vững mạnh, có nền kinh tế phát triển nhanh, toàn diện và bền vững; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân; thực hiện thành công mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030. Để hiện thực hóa khát vọng và mục tiêu đó, việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức các cấp trong hệ thống chính trị của tỉnh có ý nghĩa then chốt, và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vẫn là “công việc gốc của Đảng”. Bởi vậy, việc xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đạt chuẩn mức 2, giai đoạn 2025 - 2030 là một yêu cầu cần thiết và là nhiệm vụ cấp bách, nhằm chuẩn hóa trường chính trị ở tầm cao mới, góp phần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, đồng thời, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để tỉnh Bắc Ninh tự tin cùng với cả nước tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Căn cứ xây dựng Đề án

- Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn (gọi tắt là Quy định số 11-QĐ/TW);

- Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý;

- Quy định số 350-QĐ/TW ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị;

- Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

- Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030 (gọi tắt là Quyết định 705/QĐ-TTg);

- Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2019 - 2030;

- Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW ngày 23/4/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thành lập tổ chức đảng tương ứng các đơn vị hành chính ở địa phương và sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã.

- Hướng dẫn số 61-HD/HVCTQG ngày 17/5/2024 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn về quy trình công nhận trường chuẩn và cụ thể hóa một số nội dung của Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn;

- Quyết định số 4617-QĐ/HVCTGQ ngày 13/12/2024 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc công nhận Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh đạt chuẩn mức 1;

- Quyết định số 4696-QĐ/HVCTGQ ngày 20/12/2024 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc công nhận Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang đạt chuẩn mức 1;

- Quyết định số 06-QĐ/TU ngày 01/7/2025 của Tỉnh ủy Bắc Ninh về thành lập Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh;

- Quy định số 27-QĐ/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh;

- Công văn số 1382-CV/HVCTQG ngày 17/7/2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về công tác xây dựng trường chính trị chuẩn;

- Công văn số 110-CV/TU ngày 21/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh về việc triển khai thực hiện Công văn số 1382-CV/HVCTQG ngày 17/7/2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về công tác xây dựng trường chính trị chuẩn.

II- NỘI DUNG, BỐ CỤC, KẾT CẤU CỦA ĐỀ ÁN

1. Nội dung Đề án

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng tổng thể các hoạt động của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh trên 06 nhóm tiêu chí theo Quy định số 11-QĐ/TW, gồm: (1) Thể chế, quy định; (2) Đội ngũ cán bộ, viên chức; (3) Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; (4) Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; (5) Xây dựng văn hóa trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương; (6) Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính. Trên cơ sở đó xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh đạt chuẩn mức 2, giai đoạn 2025 - 2030.

2. Bố cục, kết cấu Đề án

Đề án gồm 05 phần:

- Phần thứ nhất: Sự cần thiết, căn cứ xây dựng và phạm vi Đề án.

- Phần thứ hai: Thực trạng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh so với các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2, Quy định số 11-QĐ/TW.

- Phần thứ ba: Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh đạt chuẩn mức 2, giai đoạn 2025 - 2030.

- Phần thứ tư: Kinh phí thực hiện Đề án.

- Phần thứ năm: Tổ chức thực hiện.

Phần thứ hai
THỰC TRẠNG ĐẠT CHUẨN MỨC 2 THEO CÁC TIÊU CHÍ
CỦA QUY ĐỊNH SỐ 11-QĐ/TW

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Việc xây dựng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các quy chế, quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ (Tiêu chí I)

Trong những năm qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo Trường hoàn thiện thể chế, quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ; kịp thời ban hành đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương để triển khai thực hiện bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, nhất là các đề án, quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh như Đề án số 11-ĐA/TU ngày 28/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang đạt chuẩn mức 1, giai đoạn 2022-2025; Đề án số 30A-ĐA/TU ngày 15/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh về xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đạt chuẩn, là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức của tỉnh; Quyết định số 556-QĐ/TU ngày 13/02/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của Trường Chính trị tỉnh; Quy định số 14-QĐ/TU ngày 30/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, mối quan hệ công tác của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh; Quy định số 27-QĐ/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh. Hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; chỉ đạo Trường Chính trị phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành và cấp ủy, chính quyền các địa phương thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn... bảo đảm thống nhất, chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai các hoạt động của Nhà trường.

Trên cơ sở các quy chế, quy định của Trung ương, của tỉnh, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đã tiến hành rà soát, xây dựng, hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả hệ thống quy chế, quy định nội bộ trên các lĩnh vực, đưa hoạt động của Nhà trường đi vào nề nếp, bảo đảm đúng chủ trương, định hướng, duy trì kỷ luật, kỷ cương trong giảng dạy và học tập, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong triển khai thực hiện nhiệm vụ¹.

¹ Các quy chế, quy định đã ban hành: Quy chế làm việc của Trường Chính trị; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường; Quy chế ứng xử văn hóa Trường Đảng; Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn; Quy chế quản lý tài sản công; Nội quy bảo vệ bí mật nhà

ĐỐI CHIẾU VỚI TIÊU CHÍ VỀ THỂ CHẾ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 6, QUY ĐỊNH SỐ 11-QĐ/TW, TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN VĂN CỪ TỈNH BẮC NINH ĐẠT CHUẨN MỨC 2.

2. Công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức (Tiêu chí II)

Thực hiện Quyết định số 556-QĐ/TU ngày 13/02/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của Trường Chính trị tỉnh; Quy định số 14-QĐ/TU ngày 30/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, mối quan hệ công tác của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh; Quy định số 27-QĐ/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trường hiện có 3 khoa, 2 phòng, với tổng số 85 viên chức và người lao động, trong đó có 69 biên chế² và 16 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

So với 69 biên chế: Trình độ chuyên môn có: 04 tiến sĩ (chiếm 5,79%) - *hiện nay có 05 đồng chí đang đi học tiến sĩ*; 60 thạc sĩ (chiếm 86,95%); 39 giảng viên chính và tương đương (chiếm 56,52%); trình độ cao cấp lý luận chính trị: 52 đồng chí (chiếm 75,36%); trình độ trung cấp lý luận chính trị: 14 đồng chí (chiếm 20,28%).

So với 55 giảng viên: Trình độ chuyên môn có: 04 tiến sĩ (chiếm 7,27%); 55 thạc sĩ (chiếm 100%); 39 giảng viên chính và tương đương (chiếm 70,9%); trình độ cao cấp lý luận chính trị 52 đồng chí (đạt 94,54%).

(Phụ lục số 01 kèm theo)

Đảng bộ Trường có 05 chi bộ trực thuộc, với tổng số 74 đảng viên; Chi đoàn thanh niên có 10 đoàn viên.

Nhà trường đã chú trọng cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, giảng viên; quan tâm, động viên, khích lệ cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, kỹ năng, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy... xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

So với tiêu chí II về đội ngũ cán bộ, viên chức, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ còn 10 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn mức 2, cụ thể:

- Lãnh đạo Trường còn 04/35 chỉ tiêu chưa đạt gồm: (1) Trình độ chuyên môn tiến sĩ chưa đạt 100% (*hiện có 02/04 đồng chí có trình độ tiến sĩ, đạt 50%*). (2) Có

nước; Nội quy cơ quan, ký túc xá, giảng đường; Nội quy công tác phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn; Quy chế hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng; Quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến; Quy chế quản lý và sử dụng xe ô tô công; Quy chế khen thưởng đối với viên chức, người lao động theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP...

² Trường hiện có 55 giảng viên, 12 chuyên viên, 02 nhân viên hành chính.

chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa đạt 100% (*hiện có 03/04 đồng chí có chứng chỉ*). (3) Chưa xây dựng được mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hoặc Bộ Nội vụ công nhận. (4) Chưa có mô hình được nhân rộng trong cụm thi đua hoặc khu vực hoặc trong cả nước.

- Lãnh đạo khoa còn 03/35 chỉ tiêu chưa đạt gồm: (1) Ít nhất 50% lãnh đạo khoa có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn (*hiện có 01/10 lãnh đạo khoa đi học tiến sĩ*). (2) Chưa xây dựng được mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được Lãnh đạo Trường hoặc cấp trên công nhận. (3) Chưa chỉ đạo, đề xuất thành công ít nhất 01 đề tài khoa học cấp tỉnh trở lên.

- Lãnh đạo phòng còn 01/35 chỉ tiêu chưa đạt: Chưa xây dựng được mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được Lãnh đạo Trường hoặc cấp trên công nhận.

- Giảng viên còn 02/35 chỉ tiêu chưa đạt gồm: (1) Mỗi khoa có ít nhất 01 tiến sĩ không kể lãnh đạo khoa (*hiện có 02/03 khoa có giảng viên đạt trình độ tiến sĩ*). (2) Giảng viên chính chiếm từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của Trường (*hiện giảng viên chính và tương đương 39/55, chiếm 70,9%*); chưa có giảng viên giữ ngạch giảng viên cao cấp.

Đối chiếu Tiêu chí II về đội ngũ cán bộ, viên chức của Quy định số 11-QĐ/TW, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đạt 25/35 chỉ tiêu; chưa đạt 10 chỉ tiêu. Trong đó Lãnh đạo Trường chưa đạt 04/10 chỉ tiêu; lãnh đạo khoa chưa đạt 03/10 chỉ tiêu; lãnh đạo phòng chưa đạt 01/10 chỉ tiêu; giảng viên chưa đạt 02/10 chỉ tiêu chuẩn mức 2.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (Tiêu chí III)

Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đã thực hiện đầy đủ, kịp thời, toàn diện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện tốt các quy chế, quy định và có nhiều đổi mới, sáng tạo; từng bước khắc phục tình trạng ngại học, lười học lý luận chính trị; góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan, địa phương, cơ sở trong tỉnh.

Công tác phối hợp tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm quy trình, quy định; chuẩn bị tốt các điều kiện để phục vụ tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng. Công tác đổi mới nội dung chương trình, biên soạn giáo án được quan tâm; việc cập nhật, bổ sung đường lối, chủ trương, chính

sách của Đảng và Nhà nước vào nội dung đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng, bảo đảm gắn lý luận với thực tiễn và phù hợp với từng đối tượng học viên.

Thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng. Quan tâm đổi mới mô hình, phương thức đào tạo, bồi dưỡng theo hướng linh hoạt, vừa bảo đảm chỉ tiêu đào tạo tập trung, vừa đáp ứng nhu cầu “vừa học vừa làm” của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, địa phương trong tỉnh. Giai đoạn từ 2019-2024, tỷ lệ mở các lớp trung cấp lý luận chính trị tập trung/không tập trung là 1/3 (01 lớp hệ tập trung và 02 lớp hệ không tập trung). Từ năm 2025, tỷ lệ mở các lớp trung cấp lý luận chính trị tập trung/không tập trung là 1/2 (01 lớp hệ tập trung và 01 lớp hệ không tập trung).

Hàng năm, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đã thực hiện đủ và vượt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng; phối hợp tổ chức tốt các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình, đề án, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trường luôn chủ động, triển khai kịp thời các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương ban hành; đồng thời, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ rà soát nhu cầu và đối tượng đào tạo, bồi dưỡng tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn 5 năm và hằng năm. Đồng thời, Trường chủ động triển khai tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền được bảo đảm đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, điều kiện; đủ nội dung chương trình theo quy định và đúng tiến độ theo kế hoạch của Tỉnh ủy. Các nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cập nhật, bổ sung các thông tin thực tiễn trong nước, trong tỉnh phù hợp với từng chuyên đề, bài giảng góp phần từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường. Hằng năm, Trường chủ động, tích cực phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan hướng dẫn bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của trung tâm chính trị các xã, phường.

Trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; công tác quản lý, đánh giá chất lượng dạy và học được tiến hành nghiêm túc và khoa học, đánh giá toàn diện kết quả học tập và ý thức rèn luyện, chấp hành nội quy, quy chế; định kỳ báo cáo kết quả học tập và rèn luyện của học viên khi kết thúc môn học (đối với đào tạo) hoặc khi kết thúc khóa học (đối với bồi dưỡng) với các cơ quan, đơn vị để theo dõi và làm căn cứ để nhận xét, đánh giá cán bộ; lấy ý kiến đánh giá của địa phương đặt lớp và học viên về chương trình, phương pháp, tinh thần trách nhiệm của giảng viên, về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập...

Đối chiếu với các Tiêu chí III về Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Quy định số 11-QĐ/TW, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đạt chuẩn mức 2 với 05/05 chỉ tiêu.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (Tiêu chí IV)

Xác định nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn là một trong hai nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng trường chuẩn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tập trung đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, số lượng đề tài khoa học do Trường thực hiện; tích cực tổ chức hội thảo khoa học gắn với nhiệm vụ chuyên môn của Trường và nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Kết quả, năm 2025, Trường đã và đang thực hiện 04 đề tài khoa học cấp tỉnh (01 đề tài đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc), thực hiện 04 đề tài khoa học cấp cơ sở; tổ chức được 05 hội thảo khoa học (03 hội thảo khoa học cấp tỉnh, 02 hội thảo khoa học cấp Trường); xuất bản 02 kỷ yếu hội thảo cấp tỉnh. Các đề tài, hội thảo khoa học xuất phát từ thực tiễn nên góp phần tích cực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị; kết quả nghiên cứu được vận dụng thiết thực, có hiệu quả vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Nhà trường.

Nhà trường luôn chú trọng việc tổ chức cho giảng viên đi nghiên cứu thực tế hằng năm ở các địa phương trong và ngoài tỉnh nhằm củng cố, bổ sung kiến thức lý luận; nắm bắt, cập nhật kiến thức thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn.

Chủ động ban hành, triển khai thực hiện kế hoạch xuất bản Bản tin “Thông tin Lý luận và thực tiễn”. Năm 2025, Trường đã xuất bản, phát hành toàn quốc 04 số Bản tin “Thông tin Lý luận và thực tiễn”. Trang thông tin điện tử của Nhà trường được cập nhật thường xuyên. Số lượt truy cập khai thác cao, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác tuyên truyền, định hướng cũng như cập nhật kịp thời các văn bản của Học viện, của tỉnh, của Trường, phục vụ giảng dạy, học tập và các hoạt động khác của Trường.

Đối chiếu với Tiêu chí IV về Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Quy định số 11-QĐ/TW, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đạt 09/11 chỉ tiêu, còn 02/11 chỉ tiêu chưa đạt gồm: (1) 05 năm thực hiện được ít nhất 05 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên; (2) 05 năm xuất bản được ít nhất 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

5. Về xây dựng văn hóa trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương (Tiêu chí V)

Bám sát định hướng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thực hiện tốt Quyết định số 5029/QĐ-HVCTQ ngày 26/10/2017 của Giám đốc Học viện

Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Quy định về ứng xử văn hóa của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đã nghiên cứu, ban hành và triển khai thực hiện nghiêm túc quy định ứng xử văn hóa trường Đảng; quy định cụ thể các tiêu chí ứng xử văn hóa đối với lãnh đạo, quản lý, viên chức, người lao động và học viên, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần vun đắp, phát huy những giá trị của văn hóa trường Đảng; 100% viên chức, người lao động thực hiện tốt quy định ứng xử văn hóa trường Đảng, không có viên chức, người lao động, học viên bị xử lý kỷ luật.

Công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ được chú trọng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; chú trọng công tác nêu gương, phát huy tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu bằng những việc làm cụ thể trong học tập và làm theo Bác; khơi dậy khát vọng cống hiến, sự đồng thuận của toàn thể cán bộ, giảng viên và học viên trong quản lý, xây dựng, đổi mới và phát triển.

Đảng bộ, Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Nhà trường có nhiều đổi mới trong phương thức hoạt động. Luôn có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa công tác lãnh đạo của Đảng ủy, chỉ đạo tổ chức thực hiện của Lãnh đạo Trường, các tổ chức đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; đã khơi dậy, tạo được động lực, sự đồng thuận của toàn thể viên chức, người lao động và học viên trong quản lý, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, nhằm xây dựng và phát triển Nhà trường một cách toàn diện.

Nhà trường nghiêm túc thực hiện đúng, đủ, đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giao theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của Bộ Nội vụ và của Tỉnh ủy, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của tỉnh. Đồng thời, quan tâm đổi mới nội dung, cập nhật các chủ trương, nghị quyết mới; chú trọng bổ sung các chuyên đề thực tiễn vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm rõ hơn về lý luận, sát với đối tượng, phù hợp với thực tiễn.

Đối chiếu với Tiêu chí V về Xây dựng văn hóa trường Đảng, thực hiện kỷ luật kỷ cương của Quy định số 11-QĐ/TW, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh đạt 07/10 chỉ tiêu, còn 03/10 chỉ tiêu chưa đạt gồm: (1) Tổ chức đảng, đoàn thể hằng năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; (2) Hằng năm, Nhà trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên; (3) Xây dựng được

mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

6. Về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính (Tiêu chí VI)

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm đầu tư cơ sở vật chất; đầu tư xây dựng Trụ sở Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đáp ứng tiêu chí cơ sở vật chất của trường chuẩn mức 2 với tổng diện tích sử dụng 63.000m² (*cơ sở 1- tổng diện tích sử dụng 40.000 m²; cơ sở 2 - tổng diện tích sử dụng trên 23.000m²*). Trường được trang bị phương tiện, kỹ thuật phục vụ việc dạy, học và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; bảo đảm năng lực phục vụ khi tăng quy mô đào tạo hệ tập trung và hệ không tập trung tại trường.

Hoạt động thu, chi tài chính thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch đáp ứng yêu cầu tổ chức, hoạt động chuyên môn của Nhà trường và nâng cao thu nhập cho viên chức, người lao động. Công tác quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, khai thác hiệu quả trên cơ sở Đề án quản lý sử dụng tài sản công được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cùng với việc xây dựng xây dựng môi trường học đường sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn đã tạo nên diện mạo đặc trưng của Trường Đảng tỉnh, vừa kỷ cương, vừa thân thiện.

Đối chiếu với Tiêu chí VI về Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính theo Quy định số 11-QĐ/TW, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đạt 03/03 chỉ tiêu của trường chuẩn mức 2.

II- HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Trình độ, năng lực của viên chức, người lao động chưa đồng đều, thiếu giảng viên có trình độ tiến sĩ và tỷ lệ giảng viên chính; việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên chuyên biến chưa thực sự rõ nét; một số giảng viên chưa vận dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực vào công tác giảng dạy; chưa xây dựng được mô hình, điển hình trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được cấp trên công nhận hoặc được nhân rộng trong cụm, khu vực hoặc trên cả nước.

- Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đạt yêu cầu về số lượng nhưng chất lượng có thời điểm, có nội dung, có việc chưa cao.

- Công tác cải cách hành chính, công tác quản trị chưa có sự chuyển biến rõ nét; thực hiện chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng và quản lý bước đầu có sự thay đổi nhưng kết quả chưa rõ nét; tác phong làm việc của một số viên chức, người lao động chưa thực sự chuyên nghiệp. Công tác sơ kết, tổng kết, phát động phong trào thi đua, xây dựng các mô hình, điển hình tiên tiến tuy được quan tâm nhưng kết quả và sức lan tỏa chưa cao. Hằng năm, Đảng bộ, tập thể Nhà trường và

các đoàn thể chưa được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong tổng kết nhiệm kỳ hoặc Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh trong Đại hội thi đua yêu nước.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị đã được đầu tư, tuy nhiên, do quy mô đào tạo, bồi dưỡng lớn, tần suất sử dụng nhiều, đến nay, một số hạng mục công trình của Trường có biểu hiện xuống cấp như bị lún, nứt, sơn bề ngoài bong tróc... Phần mềm công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong quản trị, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

2. Nguyên nhân của hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, nguồn nhân lực, kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đầu tư cho cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm nhưng chưa xứng tầm với nội dung công việc.

Thứ hai, nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan có thẩm quyền các cấp ban hành còn có điểm bất cập, chưa thường xuyên được cập nhật, chưa sát với tình hình thực tiễn xã hội.

Thứ ba, một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm tới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; còn cử thiếu số lượng và chưa đúng đối tượng đi đào tạo, bồi dưỡng; chưa tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí cho cán bộ đi học.

Thứ tư, một bộ phận học viên chưa xác định đúng mục đích, động cơ học tập, còn thiếu tự giác trong rèn luyện, nghiên cứu.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, công tác lãnh, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường có lúc, có việc còn thiếu quyết liệt.

Thứ hai, một số giảng viên chưa thật sự nỗ lực phấn đấu và thiếu chủ động nâng cao trình độ chuyên môn tiến sĩ; còn thụ động, ngại đổi mới, chưa thích ứng với việc mới, việc khó.

Thứ ba, nhận thức về vị trí, vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của một số viên chức chưa thật sự đầy đủ và toàn diện; thiếu tích cực, tâm huyết và chưa được đầu tư thỏa đáng.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong những năm qua, bám sát định hướng của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo từng bước hoàn thiện về thể chế, tạo cơ chế và nguồn lực tốt cho đổi mới và phát triển của Trường Chính trị Nguyễn

Văn Cừ. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy được thực hiện kịp thời theo hướng tinh gọn; xây dựng, phát triển đội ngũ viên chức, người lao động được chú trọng, từng bước đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa và nâng cao chất lượng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được triển khai đồng bộ ở các khâu, bảo đảm quy trình, quy định và đạt chất lượng. Công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được phát huy và đạt được những kết quả nhất định; cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập, qua đó khơi dậy được khát vọng cống hiến, sự đồng thuận, tinh thần đổi mới sáng tạo của cán bộ, giảng viên, học viên trong quá trình xây dựng, phát triển Nhà trường.

Đối chiếu với 06 tiêu chí gồm 65 chỉ tiêu của trường chính trị chuẩn mức 2, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đạt 03/06 tiêu chí, đạt 50/65 chỉ tiêu (tiêu chí I về thể chế, quy định; tiêu chí III về Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chí VI về Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính). Còn 03 tiêu chí với 15 chỉ tiêu chưa đạt. Cụ thể: Tiêu chí II về Đội ngũ cán bộ, viên chức với 10 chỉ tiêu chưa đạt; Tiêu chí IV về Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn với 02 chỉ tiêu chưa đạt; Tiêu chí V về Xây dựng văn hóa trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương với 03 chỉ tiêu chưa đạt). (Phụ lục số 02 kèm theo)

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN VĂN CỪ TỈNH BẮC NINH ĐẠT CHUẨN MỨC 2, GIAI ĐOẠN 2025 – 2030

I- QUAN ĐIỂM

1. Xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh đạt chuẩn mức 2 nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, mà trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, trong đó Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ giữ vai trò nòng cốt.

2. Bám sát chủ trương, định hướng của Trung ương, của tỉnh, lãnh đạo, chỉ đạo Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh đạt các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2, tạo bước đột phá trong công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; xây dựng, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên đảm bảo cơ cấu, chất lượng theo đúng quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn của trường và của tỉnh; xác định đó là nhiệm vụ, giải pháp vừa có tính trước mắt, vừa có tính chiến lược lâu dài để tương xứng với vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của trường chính trị.

3. Xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đạt chuẩn mức 2 gắn với xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động của Trường chuyên nghiệp, mẫu mực; xây dựng văn hóa trường Đảng; xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ trong sạch, vững mạnh; phát huy tinh thần đoàn kết, tính năng động, sáng tạo, sự tự giác, nỗ lực, quyết tâm và khát vọng cống hiến của toàn thể viên chức, người lao động, học viên của Trường.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục hoàn thiện, đồng bộ về thể chế; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, đóng góp tích cực trong hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa phương; xây dựng văn hoá trường Đảng chuẩn mực, kiểu mẫu; hoàn thiện cơ sở vật chất đồng bộ và triển khai mô hình quản trị hiện đại, thông minh, tạo động lực đổi mới sáng tạo. Qua đó, khẳng định vị thế, vai trò của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chủ đạo và có chất lượng của tỉnh. Tiếp tục duy trì 50 chỉ tiêu đã đạt chuẩn mức 2, tập trung hoàn thiện 15 chỉ tiêu chưa đạt. Xây dựng Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đạt chuẩn mức 2 vào năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tiếp tục duy trì 50 chỉ tiêu đã đạt chuẩn mức 2

2.2. Tập trung thực hiện 15 chỉ tiêu chưa đạt

2.2.1. Xây dựng đội ngũ với 10 chỉ tiêu

*** Lãnh đạo Trường**

(1) 100% lãnh đạo Trường có trình độ tiến sĩ vào năm 2029.

(2) 100% lãnh đạo Trường có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào năm 2026.

(3) Xây dựng được mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được Ban Thường vụ Tỉnh ủy công nhận vào năm 2027.

(4) Xây dựng mô hình được nhân rộng trong cụm thi đua các trường chính trị khu vực Đồng bằng sông Hồng vào năm 2027.

*** Lãnh đạo khoa**

(5) Ít nhất 50% lãnh đạo khoa có trình độ tiến sĩ vào năm 2029.

(6) Xây dựng mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên

cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được Lãnh đạo Trường công nhận vào năm 2026.

(7) Thực hiện thành công ít nhất 01 đề tài khoa học cấp tỉnh trở lên vào năm 2028.

*** Lãnh đạo phòng**

(8) Xây dựng mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được Lãnh đạo Trường công nhận vào năm 2026.

*** Giảng viên**

(9) Mỗi khoa ít nhất có 01 giảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo có trình độ tiến sĩ vào năm 2029.

(10) Giảng viên chính chiếm từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của Trường, trong đó có ít nhất 01 giảng viên cao cấp vào năm 2029.

2.2.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn với 02 chỉ tiêu

(1) Trong 05 năm (2025-2030), thực hiện ít nhất 05 đề tài cấp tỉnh hoặc tương đương.

(2) Trong 05 năm (2025-2030), xuất bản ít nhất 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

2.2.3. Xây dựng văn hóa trường Đảng, thực hiện kỷ cương, kỷ luật với 03 chỉ tiêu

(1) Hằng năm, Nhà trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên.

(2) Hằng năm, Đảng bộ, các đoàn thể được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

(3) Xây dựng mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được Ban Thường vụ Tỉnh ủy công nhận vào năm 2028.

III- NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện, đồng bộ về thể chế, quy định đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với các hoạt động của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ

Trên cơ sở các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học... Thường trực Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ rà soát và cụ thể hóa thành những quy định, nội quy, quy chế... bảo

đảm hệ thống, đồng bộ, bài bản, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng tốt yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và quản lý, điều hành của Nhà trường.

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong triển khai thực hiện các quy chế, quy định, từng bước đổi mới nội dung, cách thức triển khai toàn diện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Nhà trường.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, phù hợp về cơ cấu, có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức là giảng viên sớm đạt chuẩn, trong đó tập trung nguồn lực đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, nâng cao trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) để đáp ứng làm việc trong môi trường quốc tế, nâng cao trình độ chuyên môn tiến sĩ. Xây dựng cơ chế động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ³.

Quan tâm rèn luyện, nâng cao kiến thức thực tiễn cho viên chức, người lao động bằng việc xây dựng quy định, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên đến nghiên cứu thực tế theo Quy chế của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò định hướng, dẫn dắt của đội ngũ cán bộ quản lý, nêu gương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và tinh thần đổi mới sáng tạo; từng bước xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động có đủ phẩm chất, năng lực nhà giáo, nhà khoa học lý luận; khẳng định vai trò then chốt trong việc chủ động nghiên cứu, cập nhật, giảng dạy và tổng kết thực tiễn... bảo đảm đủ năng lực để thích ứng với xu hướng chuyển từ đào tạo là cơ bản sang bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ các ngành, địa phương, cơ sở; thường xuyên phối hợp bồi dưỡng kiến thức mới và hướng dẫn nghiệp vụ, phương pháp sư phạm cho đội ngũ giảng viên trung tâm chính trị xã, phường. Khơi dậy tinh thần, ý thức trách nhiệm trong tham mưu, phối hợp và phục vụ của đội ngũ viên chức hành chính.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ viên chức; tuyển dụng giảng viên ưu tiên có trình độ thạc sĩ trở lên; chú trọng lựa chọn cán bộ trẻ, có năng lực để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn kế cận, bổ sung cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đánh giá, xếp loại viên chức, người

³ Giai đoạn 2025-2030, tiếp tục cử 11 đồng chí đi đào tạo tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn để đảm bảo công tác bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ và duy trì chuẩn bền vững (hiện nay có 05 đồng chí đang học tiến sĩ); cử 01 đồng chí tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; cử 03 giảng viên đi học Cao cấp lý luận chính trị.

lao động đảm bảo thực chất, khách quan gắn với phương thức “*giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm*”; lấy thái độ, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo đánh giá, xếp loại cán bộ và căn cứ thực hiện các khâu trong công tác cán bộ; hằng năm, 100% viên chức, người lao động xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Huy động mọi nguồn lực, tiếp tục thực hiện tốt cơ chế khuyến khích, tạo động lực cho viên chức, người lao động đổi mới sáng tạo vì sự phát triển của Nhà trường. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chí xét thăng hạng giảng viên chính theo quy định, bảo đảm đến năm 2027, tỷ lệ giảng viên chính đạt từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của Nhà trường; phần đầu có giảng viên cao cấp và tương đương.

Thực hiện tốt công tác thao giảng, kiểm tra giáo án, dự giờ để rút kinh nghiệm, trao đổi chuyên môn, bổ sung kiến thức và hoàn thiện phương pháp giảng dạy hiện đại; tổ chức đánh giá giảng viên về nội dung, phương pháp, kỹ năng giảng dạy, đặc biệt là ứng dụng trí tuệ nhân tạo để kịp thời có biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập. Hằng năm, tổ chức Hội thi giảng viên dạy giỏi, học viên học giỏi lý luận chính trị để duy trì phong trào dạy tốt, học tốt và động viên khen thưởng giảng viên, học viên đạt thành tích cao. Xây dựng mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Lãnh đạo Trường công nhận và được nhân rộng trong cụm thi đua các trường chính trị thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

3. Đổi mới đồng bộ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, góp phần chuẩn hoá và nâng cao phẩm chất năng lực cho đội ngũ cán bộ các sở, ngành, xã, phường

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo nhiệm kỳ và hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; bảo đảm tỷ lệ lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung so với lớp hệ không tập trung hằng năm là 1/2 (01 lớp hệ tập trung/02 lớp hệ không tập trung).

Trường chủ động biên soạn tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy, nghiên cứu; đồng thời, tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về đào tạo trung cấp lý luận cho cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, gắn với cập nhật quan điểm mới của Đảng trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, nhất là Văn kiện Đại hội XIII, Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2025-2030. Đồng thời, bám sát khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Nội vụ để nghiên cứu, biên soạn tài liệu bồi dưỡng các chức danh cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm khoa học, cơ bản, hệ thống về lý luận, sát với đối tượng và phù hợp với thực tiễn.

Lãnh đạo Trường tăng cường chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn học tập lý luận với nâng cao năng lực, kỹ năng thực hành; vừa trang bị kiến thức, tầm nhìn, tư duy chiến lược, phương pháp làm việc khoa học, vừa gắn với việc giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh tại địa phương, cơ sở; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và sử dụng các phương tiện hiện đại trong quản lý, dạy và học; tiếp tục triển khai có hiệu quả các mô hình dạy - học chủ động, tích cực, lấy người học làm trung tâm. Phát huy dân chủ, coi trọng kỷ cương, thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định về quản lý dạy - học, khắc phục triệt để tình trạng ngại học, lười học lý luận chính trị trong học viên.

Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, bồi dưỡng; kết hợp mở các lớp trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại trường, các lớp hệ không tập trung tại các địa phương; chú trọng mở các lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức, bồi dưỡng theo chức danh, kỹ năng lãnh đạo, quản lý... đáp ứng nhu cầu thực tế. Mở rộng liên kết với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở Trung ương để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh theo phân cấp. Tiếp tục tham mưu phục vụ có hiệu quả các lớp đào tạo cao cấp lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng cán bộ nguồn lãnh đạo cấp tỉnh...do các cơ sở đào tạo ở Trung ương thực hiện khi được Tỉnh ủy giao.

Duy trì thực hiện tốt việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về nội dung, chương trình, giảng viên, học viên, cơ sở vật chất; đổi mới công tác quản lý, đánh giá chất lượng dạy và học theo hướng đồng bộ, khoa học, hiệu quả. Thực hiện tốt việc kết hợp đánh giá điểm số với đánh giá quá trình rèn luyện của học viên. Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá theo định hướng mở, tài liệu mở, tư duy mở gắn với việc dạy - học thực chất, đánh giá thực chất. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, địa phương đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng làm cơ sở đề ra những giải pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng; khắc phục những hạn chế về chương trình, giảng viên, trang thiết bị phục vụ giảng dạy...

Quan tâm xây dựng những mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy công nhận.

4. Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả, chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn làm cơ sở đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn theo hướng chú trọng hơn về tính ứng dụng và kết quả nghiên cứu, nhất là nghiên cứu phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường và những vấn đề lớn mang tính chiến lược phục vụ công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Trong đó, chú trọng các lĩnh vực mang tính đặc thù của địa phương như: Xây dựng tổ

chức cơ sở đảng, phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường giao nhiệm vụ cho Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ nghiên cứu các chương trình trọng tâm, các khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh để đăng ký các nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh hằng năm; giai đoạn 2025-2030 tập trung nghiên cứu, thực hiện ít nhất 05 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương; chủ động phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ quan, địa phương tổ chức ít nhất 02 hội thảo cấp Bộ. Tổ chức từ 05 đến 07 hội thảo hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh⁴. Kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh phải được chiết xuất thành các bài báo khoa học, báo cáo kiến nghị, đề xuất với Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan về giải pháp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hằng năm, tổ chức triển khai ít nhất 04 hội thảo hoặc tọa đàm khoa học cấp trường... Qua đó, cung cấp luận cứ khoa học, kiến nghị với cấp có thẩm quyền, kịp thời có giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn, nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của tỉnh.

Cử cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động khoa học cấp tỉnh (*hoạt động sáng kiến, các hội đồng tư vấn, thuyết minh, phản biện, nghiệm thu đề tài khoa học cấp tỉnh, tổng kết thực tiễn, ...*); tham dự các hội nghị quán triệt triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương; tham gia nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đề xuất các chủ trương, giải pháp theo yêu cầu chức năng, nhiệm vụ được giao. Triển khai nghiên cứu, ứng dụng các đề tài, hội thảo, tọa đàm khoa học cấp khoa, cấp trường gắn với hoạt động chuyên môn, phục vụ trực tiếp cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

Nâng cao chất lượng các xuất bản phẩm (sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỹ yếu hội thảo khoa học...) có mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) để phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn của tỉnh. Biên tập tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, cập nhật kiến thức lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng của cấp xã. Quan tâm chất lượng bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn”, phát hành toàn hệ thống trong trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm chính trị các địa phương trong tỉnh.

Hằng năm, xuất bản 04 số bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” phát hành toàn hệ thống trong trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm chính trị các địa phương trong tỉnh; huy động tốt các nguồn lực nâng cao chất lượng các bài viết về nghiên cứu - trao đổi, thực tiễn - kinh nghiệm trong bản tin.

⁴ Các hội thảo khoa học cấp tỉnh đã thực hiện: (1) “50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025), Bắc Giang nối tiếp bản hùng ca, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới-kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; (2) “Phát huy giá trị thời đại và sức sống trường tồn của Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9 trong xây dựng và phát triển tỉnh Bắc Ninh hiện nay”.

Biên tập tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, cập nhật kiến thức lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng của cấp xã.

Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của các trang thông tin điện tử như website Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh nhằm đăng tải những bài viết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên không gian mạng... góp phần cập nhật, bồi dưỡng, nâng cao bản lĩnh chính trị, tác phong làm việc khoa học cho đội ngũ viên chức, người lao động Nhà trường.

Quan tâm xây dựng những mô hình, điển hình trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được Ban Thường vụ Tỉnh ủy công nhận.

5. Xây dựng văn hóa trường Đảng chuẩn mực, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động của Nhà trường và sức lan tỏa đến các trung tâm chính trị, các xã, phường

Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý theo hướng dân chủ, khoa học, chuyên nghiệp, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong Nhà trường.

Tiếp tục cụ thể hoá các giá trị chuẩn mực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn liền với các chuyên đề hằng năm và toàn khoá. Phát huy truyền thống tốt đẹp của Nhà trường, phấn đấu hằng năm 100% cán bộ, giảng viên thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương, nêu cao tinh thần, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu, kỷ luật, kỷ cương của cán bộ, đảng viên; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng Đảng bộ, tập thể Nhà trường và các đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Hằng năm, Đảng bộ, tập thể Nhà trường và các đoàn thể được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong tổng kết nhiệm kỳ hoặc Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh trong Đại hội thi đua yêu nước.

Thực hiện có hiệu quả văn hóa ứng xử, xây dựng tác phong, hình ảnh chuẩn mực của đội ngũ viên chức, người lao động, học viên theo Quyết định số 43-QĐ/TCT ngày 01/8/2025 của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ về Quy định ứng xử văn hóa Trường Đảng. Tiếp tục nghiên cứu cụ thể hóa định hướng phát triển văn hóa trường Đảng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vào thực tiễn. Xây dựng mô hình “*tập thể lớp kiểu mẫu, học viên gương mẫu*”; nghiên cứu tổ chức có hiệu quả phong trào thi đua 5 tốt: *Nghiên cứu tốt, tham mưu tốt, quản trị tốt, dạy - học tốt và phục vụ tốt*. Tích cực ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, chuyển từ quản lý hành chính sang quản lý phục vụ.

Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các phong trào thi đua của Trung ương, của tỉnh, của cụm các trường chính trị theo phân công của Học viện Chính trị quốc gia

Hồ Chí Minh; đồng thời, tích cực phát động các phong trào thi đua trong đội ngũ viên chức, người lao động, học viên, tạo động lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

6. Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; tăng cường chuyển đổi số mạnh mẽ trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý Nhà trường

Tiếp tục quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; đồng thời, cân đối các nguồn lực từ nguồn thu của Nhà trường và xã hội hoá để kịp thời cải tạo, thay thế thiết bị hư hỏng phục vụ công tác giảng dạy, học tập.

Tiếp tục rà soát cải tạo, nâng cấp và sử dụng có hiệu quả các hạng mục công trình tại Cơ sở 1 và Cơ sở 2, đầu tư đồng bộ các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật đối với trụ sở làm việc, giảng đường, ký túc xá học viên đảm bảo khang trang, hiện đại.

Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cấp trang thiết bị, xây dựng phòng học thông minh, phần mềm công nghệ quản lý nhằm tăng cường chuyển đổi số mạnh mẽ trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý của Nhà trường.

Thực hiện tốt công tác lập dự toán, phân bổ và quản lý tài chính đúng quy định của pháp luật; bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch. Xây dựng môi trường, cảnh quan sư phạm xanh, sạch, đẹp, văn minh, hiện đại.

Phần thứ tư
KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I- KINH PHÍ

1. Kinh phí hỗ trợ đi học tiến sĩ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh (mỗi năm từ 02 - 03 người):

$$250.000.000 \times 11 \text{ người} = 2.750.000.000 \text{ đồng}$$

2. Kinh phí hỗ trợ tổ chức hội thảo, tọa đàm, đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh, xuất bản bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn”, sách chuyên khảo.

2.1. Kinh phí hội thảo khoa học cấp Bộ (01 hội thảo): 95.000.000 đồng

2.2. Kinh phí hội thảo khoa học cấp tỉnh (mỗi năm 01 hội thảo):

$$95.000.000đ \times 05 \text{ hội thảo} = 475.000.000 \text{ đồng}$$

2.3. Kinh phí hội thảo khoa học cấp cơ sở (mỗi năm 04 hội thảo):

$$49.045.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ hội thảo} = 980.900.000 \text{ đồng}$$

2.4. Kinh phí đề tài khoa học cấp cơ sở (mỗi năm 05 đề tài):

$$130.000.000 \times 25 \text{ đề tài} = 3.250.000.000 \text{ đồng}$$

2.5. Xuất bản sách chuyên khảo hoặc kỷ yếu Hội thảo khoa học (Chưa bao gồm thù lao viết, biên tập - mỗi năm 01 cuốn):

$$50.000.000 \times 05 \text{ cuốn} = 250.000.000 \text{ đồng}$$

2.6. Kinh phí xuất bản Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” (mỗi năm 04 số, bao gồm thù lao viết bài, biên tập, xuất bản, in, phát hành):

$$65.630.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ số} = 1.312.600.000 \text{ đồng}$$

3. Kinh phí đầu tư trang thiết bị công nghệ, xây dựng phòng học thông minh và nâng cấp hoàn thiện máy chủ thực hiện chuyển đổi số:

- Trang thiết bị 12 phòng học thông minh: 3.100.000.000 đồng.
- Phần mềm quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý học viên: 1.600.000.000 đồng.
- Phần mềm quản lý thư viện điện tử và số: 1.000.000.000 đồng.
- Phần mềm hệ thống thi trắc nghiệm trực tuyến: 1.000.000.000 đồng.
- Màn hình LED Q2 H full color indoor:
 - + Hội trường trực tuyến: chiều ngang 4,16m * cao 2,08m = 8,6528m²: 210.000.000 đồng.
 - + Hội trường lớn: chiều ngang 6 m * cao 2.6 m = 15.6m²: 410.000.000 đồng.
 - + Hội trường phòng họp tầng 3, nhà A: chiều ngang 2.24 m * cao 1.28 m = 2.8672m²: 80.000.000 đồng.
- Nâng cấp hoàn thiện phòng máy chủ: 940.000.000 đồng, gồm:
 - + Hoàn thiện hạ tầng tiêu chuẩn phòng máy chủ: sàn nâng, chống tĩnh điện, PCCC, điều hòa luân phiên.
 - + Bổ sung firewall thế hệ mới (Next-Gen Firewall) và thiết bị lưu trữ backup (NAS/SAN).

4. Kinh phí mua sắm tài sản hư hỏng, thay thế:

- Mua sắm ti vi, tủ quần áo ở phòng ký túc xá 02 cơ sở:
 - + Ti vi: 45 cái x 8.000.000 đồng/cái = 360.000.000 đồng
 - + Tủ quần áo: 45 cái x 10.000.000 đồng/cái = 450.000.000 đồng
 - + Rèm các phòng học ở cơ sở 1: 200.000.000 đồng

Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 18.463.500.000 đồng (Mười tám tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). (Phụ lục 03 kèm theo)

II- NGUỒN KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

Từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh cấp theo từng năm và một phần từ nguồn xã hội hóa.

Phần thứ năm **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

I- BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY

Chủ trì, phối hợp tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ sung, hoàn thiện các quy định và hướng dẫn thực hiện các văn bản của Trung ương về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Quan tâm bảo đảm biên chế ổn định của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, giai đoạn 2025-2030; xác định Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ là cơ sở chính đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở tỉnh Bắc Ninh. Quan tâm tham mưu tăng chỉ tiêu xét thăng hạng giảng viên chính, bảo đảm đến năm 2027, tỷ lệ giảng viên chính đạt từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của Nhà trường.

Chủ trì, tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2025-2030 và hằng năm trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng.

II- BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY

Hướng dẫn và định hướng tư tưởng trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ; cử cán bộ làm giảng viên thỉnh giảng và quan tâm đề xuất tăng số lượng báo cáo viên cấp tỉnh cho Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ.

Chủ trì, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý chặt chẽ, định hướng tư tưởng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm đúng định hướng công tác tư tưởng của Đảng.

Phối hợp với Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đề xuất với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học, tổng kết thực tiễn; biên tập sách lý luận, chính trị phục vụ cho các xã, phường theo quy định.

Phối hợp với Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên trung tâm chính trị các xã, phường.

III- ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp triển khai các nội dung, nhiệm vụ của Đề án. Cụ thể:

1. Sở Nội vụ: Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 và hằng năm trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định để tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; phối hợp quản lý, đánh giá chất lượng bồi dưỡng các chức danh cán bộ, công chức, viên chức trong và sau bồi dưỡng.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh tham mưu sửa đổi, ban hành nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh Bắc Giang về ban hành quy định một số chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2025-2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh hiện nay.

2. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ đề xuất nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh hằng năm và theo lộ trình, bảo đảm chất lượng, phù hợp với yêu cầu thực tế của tỉnh, bảo đảm đạt tiêu chí chuẩn mức 2 về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Tiếp tục ký kết chương trình phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ với Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, giai đoạn 2026-2030.

3. Sở Tài chính: Căn cứ chế độ, chính sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp dự toán ngân sách hằng năm (*trên cơ sở dự toán do cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách lập, gửi đến Sở Tài chính*) cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, kinh phí hỗ trợ đi học tiến sĩ đối với giảng viên của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ. Đồng thời, trên cơ sở dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản (*phần mềm quản lý, trang thiết bị công nghệ của phòng học thông minh và các hạng mục khác hằng năm*) của Trường, báo cáo cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và pháp luật hiện hành.

IV- ĐẢNG ỦY CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TỈNH

Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn Đảng bộ Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ và các đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ theo quy định nhằm đạt mục tiêu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị được giao hằng năm.

V- ĐẢNG ỦY CÁC XÃ, PHƯỜNG TRỰC THUỘC ĐẢNG BỘ TỈNH

Phối hợp với Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo giai đoạn và hằng năm.

Chọn cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn; cử cán bộ đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị đảm bảo tỷ lệ 1/2 (01 cán bộ đi học hệ tập trung/02 cán bộ đi học hệ không tập trung); tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động dạy - học các lớp đào tạo, bồi dưỡng đặt tại địa phương; tham gia đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nhất là đánh giá sau đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

Phối hợp và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn ở địa phương mình.

VI- TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN VĂN CỪ

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chất lượng, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các tiêu chí chuẩn mức 2 vào năm 2030. Hằng năm, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tình hình, tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Đề án; đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc để điều chỉnh, bổ sung Đề án cho phù hợp thực tế.

Chủ động phối hợp với các cơ quan, địa phương tuyển sinh, mở lớp đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, bảo đảm tỷ lệ lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung so với lớp hệ không tập trung hằng năm là 1/2 (01 lớp hệ tập trung/02 lớp hệ không tập trung).

Chủ động đề xuất, phối hợp với các vụ, viện chuyên ngành của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học; cử giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học có mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) để phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Chủ động phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng dự toán kinh phí về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, xuất bản sách và các hoạt động khác trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu đề xuất danh sách giảng viên thỉnh giảng của Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

Tăng cường phối hợp với các ban, cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Tổ chức tự đánh giá, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn mức 2 vào năm 2030. Duy trì phát huy kết quả đạt được sau khi được công nhận trường chính trị chuẩn mức 2.

Nơi nhận:

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (báo cáo),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ,
- Các đảng ủy xã, phường, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- VPTU: LĐVP, P.TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Nguyễn Thị Hương

PHỤ LỤC 01

VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG, TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN VĂN CỬ TỈNH BẮC NINH

(Thời điểm 10/12/2025)

(Kèm theo Đề án số 02-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp	BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ										Ghi chú
					Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVDH	Chứng chỉ kiến thức		
					Tên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học								
I	Lãnh đạo Trường														
1	Nguyễn Thị Kim Dung	14/10/1979	Hiệu trưởng	Chuyên viên chính	Thạc sĩ Kinh tế - Chính trị	Cử nhân Kinh tế - Chính trị	Tại chức	CC	CVCC		Anh B2 khung châu Âu				Đang học tiến sĩ
2	Lê Đình VT	01/01/1974	Phó Hiệu trưởng	Giảng viên chính	ThS Luật	Cử nhân Luật	Chính quy	CC	CVC	B	Nga C	Có	Có		
3	Trần Thúy Hoàn	07/08/1972	Phó Hiệu trưởng	Giảng viên chính	TS Văn học nước ngoài (Văn học Nga)	Cử nhân Ngữ văn	Chính quy	CC	CVC	UDCNTT cơ bản	Nga B2 khung châu Âu	Có	Có		
4	Chu Thị Ngân	10/10/1984	Phó Hiệu trưởng	Giảng viên chính	TS Khoa học giáo dục	Cử nhân CNXHKKH	Chính quy	CC	CVC	B	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Có	Có		
II	Khoa Lý luận cơ sở														
5	Đặng Hồng Sang	22/3/1985	Trưởng khoa - GVC	Giảng viên chính	ThS. Chính trị học	Cử nhân Chính trị học ngành QLXH	Chính quy	CC	CVC	UDCNTT cơ bản	Anh B	Có	Có		
6	Nguyễn Thị Vân	28/12/1981	P. Trưởng khoa - GVC	Giảng viên chính	Ths CNXHKKH	Cử nhân Chủ nghĩa XHKH	Chính quy	CC	CVC	C	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có		

BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ													Ghi chú	
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVDH		Chứng chỉ kinh điển
					Trên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học							
7	Trần Thị Huệ	20/5/1980	P.Trưởng khoa - GVC	Giảng viên chính	ThS XDB&C QNN	Cử nhân XDB&CQ NN	Chính quy	CC	CVC	B	Anh B1	Có	Có	
8	Dương Văn Sơn	10/02/1975		Giảng viên chính	ThS QLKT CN	CNXHKH	Chính quy	CC	CVC	B	Trung B	Có	Có	
9	Khuất T.Thanh Phong	07/09/1974		Giảng viên chính	KTCT; Thạc sỹ QLKT	CN K.TNN	Chính quy	CC	CVC	UDTH	Anh C	Có	Có	
10	Nguyễn Văn Nguyễn	10/10/1989		Giảng viên	ThS Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cử nhân Tư tưởng HCM	Chính quy	CC	CV	UDTH	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có	Đang học tiến sĩ
11	Trần Thị Thủy	06/03/1984		Giảng viên	ThS QLKT	CN khoa học GDGD	Chính quy	CC	CV	B	Anh C	Có	Có	
12	Đỗ Thị Hương	17/07/1988		Giảng viên	ThS	CN Triết học	Chính quy	CC	CV	UDCNTT	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có	
13	Nguyễn Thị Thanh Hoa	20/11/1985		Giảng viên chính	ThSCNX HKH	Cử nhân triết học - chuyên ngành CNXHKKH	Chính quy	CC	CVC	UDCNTT cơ bản	Anh B1	Có	Có	
14	Nguyễn Thị Phương Hoa	17/12/1977		Giảng viên chính	TS Triết học	Cử nhân GDCT - Triết học	Chính quy	CC	CV	UDCNTT cơ bản	Anh B2	Có	Có	
15	Nguyễn Thị Thúy	23/5/1991		Giảng viên	ThS Hồ Chí Minh học	Cử nhân Tư tưởng HCM	Chính quy	CC	CV	B	Anh B	Có	Có	

BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ														Ghi chú
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVBH	Chứng chỉ kinh điển	
					Tên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học							
16	Phạm Thị Ngân Xuân	05/12/1994		Giảng viên	ThS Triết học	Cử nhân bảo chi - chuyên ngành báo in; Cử nhân Triết học- chuyên ngành triết học Mác - Lênin	Chính quy	TC	CV	B	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Có	Có	
17	Bùi Thị Hồng Thư	22/6/1991		Giảng viên	ThS Quản lý giáo dục- chuyên ngành Quản trị trường học	Cử nhân Tư tưởng HCM	Chính quy	TC	CVC	UDCNTT cơ bản	Anh B2	Có	Có	
18	Nguyễn Thị Dung	05/02/1983		Giảng viên chính	Thạc sỹ CNXHKKH	CN Triết học	Chính quy	CC	CVC	B	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có	
19	Phạm Tuấn Anh	10/9/1976		Giảng viên chính	ThS LL & PP GDCT - Triết học	Cử nhân GDCT - Triết học	VLVH	CC	CVC	B	Ngà C Anh A2	Có	Có	
III	Khoa Nhà nước và pháp luật													
20	Hồ Thị Hồng Nhung	28/6/1986	Trưởng khoa	Giảng viên chính	ThS XD&C QNN	Cử nhân Chính trị học ngành QLXH	Chính quy	CC	CVC	UDCNTT cơ bản	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có	Đang học tiến sĩ
21	Trình Quang Hưng	11/01/1979	Phó Trưởng khoa	Giảng viên chính	ThS LL& Lịch sử NN&PL	CN Luật	Chính quy	CC	CVC	UDCNTT cơ bản	Anh bậc 3 B1	Có	Có	

BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ														Ghi chú
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVBH	Chứng chỉ kinh điển	
					Trên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học							
22	Đặng Thị Huệ	16/12/1982	Phó Trưởng khoa	Giảng viên chính	ThS LL&Lịch sử NN&PL	Cử nhân hành chính	Chính quy	CC	CVC	B	Anh C	Có	Có	
23	Ngô Xuân Hải	19/6/1988		Giảng viên	Th.sỹ Quản lý công	Cử nhân HC học	Chính quy	CC	CV	UDCNTT cơ bản	Anh B	Có	Có	
24	Nguyễn Thị Ngọc Hà	20/05/1984		Giảng viên chính	Ths. Chính trị học	CN CT; CN Luật	Chính quy; VLVH	CC	CVC	B	Anh C	Có	Có	
25	Nguyễn Phương Thanh	20/10/1989		Giảng viên	ThS LL&Lịch sử NN&PL	CN Luật; CNQTNL	Chính quy; VLVH	CC	CV	B	Anh C	Có	Có	
26	Nguyễn Thuỳ Linh	16/7/1989		Giảng viên	Ths Quản lý công	Cử nhân HC học	Chính quy	CC	CV	UDCNTT cơ bản	Anh B	Có	Có	
27	Nguyễn Thị Thanh Hà	15/3/1981		Giảng viên chính	ThS Văn hóa học	Cử nhân ngành Thông tin Thư viện	Chính quy	CC	CVC	B	Anh C	Có	Có	
28	Quỳnh Hồng Nhung	06/11/1978		Giảng viên chính	ThS LL&Lịch sử NN&PL	Cử nhân Hành chính	Chính quy	CC	CVC	UDCNTT cơ bản	Anh B	Có	Có	
29	Nguyễn Thị Hằng	09/10/1990		Giảng viên	ThS Chính trị học ngành QLXH	Cử nhân Chính trị học ngành QLXH	Chính quy	CC	CV	B	Anh B	Có	Có	
30	Nguyễn Thị Hoà	22/11/1989		Giảng viên	ThS KTCT	Cử nhân GDCT-KTCT	Chính quy	CC	CVC	B	Anh B	Có	Có	

BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ													Ghi chú	
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVBH		Chứng chỉ kinh điển
					Trên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học							
IV	Khoa Xây dựng Đảng													
31	Nguyễn Xuân Cường	16/9/1981	Trưởng khoa	Giảng viên chính	Ths Lịch sử VN	CN Sư phạm Lịch sử	Chính quy	CC	CVC	UDCNTT	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có	
32	Trần Ánh Ngọc	02/7/1978	Phó Trưởng khoa	Giảng viên chính	Ths Triết học	Cử nhân Hành chính học; Cử nhân Tâm lý học	Chính quy	CC	CVC	B	Nga C, Anh B	Có	Có	
33	Nguyễn Minh Hiếu	11/6/1979	Phó Trưởng khoa	Giảng viên chính	Ths XD Đảng & QPNN	CN XDB	Chính quy	CC	CVC	B	Trung B	Có	Có	
34	Hoàng Thị Phương Thư	08/12/1983	Phó Trưởng khoa	Giảng viên chính	Ths Lịch sử Đảng	Cử nhân Lịch sử Đảng	Chính quy	CC	CVC	B	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Có	Có	
35	Bùi Thị Ngoan	26/9/1972		Giảng viên	Thạc sỹ Lịch sử đảng	CB SP, CN Lịch sử đảng	Chính quy; VL VH	CC	CV	UDCNTT	Anh B	Có	Có	
36	Dương T. Văn Hương	26/6/1990		Giảng viên	Ths Chính trị học	CN sư phạm GDCT	Chính quy	CC	CV	B	Anh B	Có	Có	
37	Nguyễn Hải Ninh	28/01/1982		Giảng viên chính	Ths Tâm lý học	CN TLGD	Chính quy	CC	CVC	B	Anh C	Có	Có	
38	Nguyễn Thị Thiện	05/9/1978		Giảng viên chính	Ths XDB	CN Ngoại ngữ; Cử nhân XDB, CQ NN	Tại chức	CC	CVC	B	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có	

BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ													Ghi chú	
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVDH		Chứng chỉ kinh điển
					Trên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học							
39	Cổ Thu Thủy	20/02/1986		Giảng viên chính	ThS Xây dựng Đảng	CN Triết học	Chính quy	CC	CVC	B	Trung C	Có	Có	
40	Bùi Văn Huân	03/3/1977		Giảng viên chính	TS Chính trị học	CN KTCT Học viện BC & TT	Chính quy	CC	CVC	B2	CC	Có	Có	
41	Cao Thị Hoa	12/8/1977		Giảng viên chính	ThS Lịch sử Việt Nam	Cử nhân Lịch sử	Chính quy	CC	CVC	B	Anh C	Có	Có	
42	Lê Công Khôi	25/6/1976		Giảng viên chính	ThS XDD & CQNN	Cử nhân XDD & CQ NN	Chính quy	CC	CVC	B	Anh C	Có	Có	
43	Hoàng Long	22/7/1989		Giảng viên	ThS Chính trị học	Cử nhân Chính trị học	Chính quy	CC	CVC	B	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Có	Có	Đang học tiến sĩ
44	Trần Thị Thêm	01/7/1990		Giảng viên	ThS KTCT	Cử nhân Kinh tế CT	Chính quy	CC	CVC	B	Anh B	Có	Có	
45	Nguyễn Thị Minh Châu	05/12/1992		Giảng viên	ThS LL & PP bộ môn GDCT	Cử nhân KHXH & N V- Triết học	Chính quy	TC	CVC	B	Anh B	Có	Có	
V	Phòng Quản lý Đào tạo và NCKH													
46	Trần Thị Kim Dung	26/07/1978	Trưởng phòng	Giảng viên chính	Ths Luật	CN Luật	Chính quy	CC	CVC	B	Anh C	Có	Có	
47	Nguyễn Đức Thu	19/3/1976	Phó Trưởng phòng	Giảng viên chính	ThS KTCT	Cử nhân Kinh tế nông nghiệp	Chính quy	CC	CVC	B	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Có	Có	

BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ														Ghi chú
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp										
					Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVDH	Chứng chỉ kinh điển	
Trên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học												
48	Nguyễn Thị Hương	08/05/1980	Phó Trưởng phòng	Giảng viên chính	Ths Chính trị học	Cử nhân Chính trị	VLVH	CC	CVC	B	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có	Đang học tiến sĩ
49	Nguyễn Văn Hoàn	17/12/1978	P.Trưởng phòng	Giảng viên chính	Ths Lịch sử	Cử nhân Lịch sử Việt Nam	Chính quy	CC	CVC	B	Anh B	Có	Có	
50	Phạm Văn Tin	08/02/1972		Chuyên viên	Ths QLKT	CN Kế toán	VLVH	TC	CV	B	Anh B			
51	Nguyễn Thị Ngọc Lý	01/12/1979		Chuyên viên		CN kế toán	VLVH	TC	CV	B	Anh B			
52	Nguyễn Thị Châm	15/02/1982		Chuyên viên	Ths QLKT	Cử nhân HC	VLVH	TC	CV	B	Anh B			
53	Nguyễn Trọng Giảng	23/9/1975		Chuyên viên	Ths KTCT	Cử nhân Kế toán	VLVH	TC	CVC	B	Anh B			
54	Nguyễn Trịnh Quý Thanh	20/10/1984		Chuyên viên	Ths XDD & CQNN	Cử nhân Kế toán	VLVH	TC	CVC	B	Anh B	Có		
55	Dương Danh Chuyện	07/6/1980		Chuyên viên		Cử nhân Luật Kinh Tế	VLVH	TC	CVC	B	Anh B			
56	Trần Thị Tâm An	05/12/1992		Chuyên viên	Ths Quản trị trường học	Cử nhân Q. trị tài chính	Chính quy	TC	CVC	B	Anh B			
57	Lê Thị Hương	22/9/1979		Chuyên viên		Cử nhân K. Tế QTKDTH	VLVH	TC	CVC	B	Anh B			
VI	Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu													
58	Đỗ Văn Lanh	11/10/1978	Trưởng phòng	Giảng viên chính	Ths Luật	Cử nhân Luật: Cử nhân hành chính	Chính quy; VLVH	CC	CVC	B	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp	BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ										Ghi chú
					Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVDH	Chứng chỉ kinh điển		
					Trên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học								
59	Trần Thị Minh Phương	30/06/1977	Phó Trưởng phòng	Giảng viên chính	ThS Triết học	Cử nhân quản lý xã hội; CN Chính trị; Cử nhân Luật	Chính quy; VL VH	CC	CVC	B	Anh C	Có	Có		
60	Nguyễn Minh Thường	17/3/1978	Phó Trưởng phòng	Giảng viên chính	Ths QLKT	Cử nhân quản trị kinh doanh	Chính quy	CC	CVC	C	CN Ngôn ngữ Anh	Có	Có		
61	Nguyễn Văn Công	15/10/1983	Phó Trưởng phòng	Giảng viên chính	Ths Luật	CN Luật	Chính quy	CC	CVC	B	Anh B	Có	Có		
62	Vương Kiên	26/02/1977	Phó Trưởng phòng	Giảng viên chính	ThS XDD & CQNN	Cử nhân XDD & CQNN	VL VH	CC	CVC	C	Anh B	Có	Có		
63	Vũ Thuý Hằng	12/9/1988		Giảng viên chính	ThS Lịch sử Đảng	Cử nhân Lịch sử	Chính quy	CC	CVC	B	Anh B	Có	Có		
64	Lê Thị Huệ	12/05/1976		Chuyên viên	CN Kế Toán (TC)	TCKT	VL VH	SC	CV	B	Anh B				
65	Nguyễn Thị Thủy Trang	27/12/1990		Chuyên viên	ThSTài chính - Ngân hàng	Cử nhân Tin học tài chính - kế toán	Chính quy	TC	CVC	B	Anh C	Có			
66	Phạm Thu Hương	19/08/1988		Kế toán	Ths QLKT	CN kế toán	Chính quy	SC	CV	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B				
67	Nguyễn Thị Tuyết	24/4/1983		Viên chức	ThS Quản lý kinh tế	Cử nhân Kế toán	VL VH	TC	CVC	B	Anh B	Có			
68	Đỗ Thị Hồng Nhung	15/11/1982		Nhân viên		Cử nhân Kế toán	VL VH	TC	CV	B	Anh B				

BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ														Ghi chú
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn, nghiệp vụ									
					Trên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học	Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVDH	Chứng chỉ kinh điển	
69	Nguyễn Hồng Thanh	09/8/1984		Nhân viên		Cử nhân Kế toán	VLVH	SC	CV	B	Anh B			
VII Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP														
1	Hoàng Hữu Hoà	17/4/1973	Bảo vệ	Nhân viên		CN Luật KT	VLVH	SC		B	Anh B			
2	Nguyễn Thế Phúc	08/3/1980	Nhân viên kĩ thuật điện, nước			CN Quản lý kinh tế	VLVH							
3	Thân Thanh Bình	03/7/1985	Nhân viên kĩ thuật điện, nước			Cử nhân Điện lực; Cử nhân QLKT	VLVH							
4	Vũ Trọng Huy	08/03/1981	Lái xe											
5	Dương Ngọc Long	12/7/1989	Lái xe			CN Quản lý kinh tế	VLVH							
6	Hoàng Kim Tuyền	06/05/1990	Y tế học đường											
7	Nguyễn Thu Hằng	10/12/1992	Tập vụ											
8	Ngô Thị Ngọc	28/01/1988	Tập vụ			Cử nhân Luật	VLVH							
9	Trần Văn Lãm	06/3/1971	Bảo vệ			DH Tài chính	VLVH							
10	Vũ Hùng Trang	23/11/1974	Nhân viên Lái xe (HĐ 111)											
11	Hà Văn Thắng	15/6/1982	Nhân viên kỹ thuật (HĐ 111)			Cử nhân Nhiệt lạnh	Chính quy		CV	B	Anh B			

BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ													Ghi chú	
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh nghề nghiệp										
					Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ GVDH	Chứng chỉ kinh điển	
Trên đại học	Đại học	Hình thức đào tạo bậc đại học												
12	Nguyễn Minh Hiếu	23/5/1984	Nhân viên Lái xe (HD 111)			Cử nhân Tài chính- NH	VLVH		CV					
13	Nguyễn Xuân Tài	20/10/1971	Nhân viên bảo vệ (HD 111)											
14	Trần Thị Lịch	11/02/1974	Nhân viên vệ sinh (HD 111)											
15	Kiều Thị Uyên	15/02/1979	Nhân viên tập vụ (HD 111)											
16	Phạm Ngọc Hùng	08/02/1980	Nhân viên bảo vệ (HD 111)											

- Tổng số viên chức, người lao động: 85 người (viên chức 69; người lao động 16);
- Tỷ lệ giảng viên/tổng số viên chức: $55/69 = 79,7\%$;
- Giảng viên có trình độ tiến sĩ: $04/55 = 7,27\%$;
- Giảng viên đang học tiến sĩ: $05/55 = 9,1\%$;
- Tỷ lệ giảng viên chính và tương đương: $39/55 = 70,9\%$;
- Tỷ lệ giảng viên có trình độ Cao cấp Lý luận chính trị: $52/55 = 94,54\%$;
- Tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ: $55/55 = 100\%$.

PHU LUC 02

**THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐẠT CÁC TIÊU CHỈ
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN VĂN CỪ CHUẨN MỨC 2**

(Kèm theo Đề án số 02-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên tiêu chí	Chi tiêu cụ thể	Thực trạng	Đánh giá chuẩn mức 2		Giải pháp thực hiện							Ghi chú
				Đạt	Không đạt		2025	2026	2027	2028	2029	2030	
I	Thế chế, quy định (Điều 12, Quy định số 11-QĐ/TW)												
I	Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt			X		Tiếp tục duy trì							
II	Đội ngũ cán bộ, viên chức (Điều 13, Quy định số 11-QĐ/TW)												
I	Bảo đảm tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm			X		Tiếp tục duy trì							
2	Lãnh đạo Trường	2.1	100% có độ chuyên môn tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.	02/04 (50%)	X	01 đ/c đang là nghiên cứu sinh, 01 đồng chí đang học ngoại ngữ, dự kiến đi học năm 2026, dự kiến năm 2029 sẽ hoàn thành chỉ tiêu					X		
		2.2	100% có trình độ Cao cấp lý luận chính trị (hoặc tương đương)	04/04		Tiếp tục duy trì							

		2.3	100% giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương trở lên (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I)	04/04	x		Tiếp tục duy trì								
		2.4	100% có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm	04/04	x		Tiếp tục duy trì								
		2.5	100% có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh	03/04		x			x						
		2.6	Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn		x		Tiếp tục duy trì								
		2.7	Xây dựng được mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương hoặc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ công nhận			x	Xây dựng các mô hình, điển hình trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học được Ban Thường vụ Tỉnh ủy công nhận		x						

5.4	100% giảng viên sau 07 năm giảng dạy tại Trường có trình độ cao cấp lý luận (hoặc tương đương)	52/55	x		Tiếp tục duy trì						
5.5	100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực hoặc có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm	55/55	x		Tiếp tục duy trì						
5.6	Ít nhất 80% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	54/55	x		Tiếp tục duy trì						
5.7	Giảng viên chính chiếm từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của Trường, trong đó có ít nhất 01 giảng viên cao cấp	39/55 (70,90%)		x	Hiện giảng viên chính chiếm 70,90%. Trường sẽ tiếp tục đăng ký đề nghị xét nâng ngạch cho các giảng viên chính và giảng viên cao cấp khi đủ điều kiện					x	
5.8	100% giảng viên áp dụng hiệu quả phương pháp dạy học tích cực, tham gia thao giảng cấp khoa, cấp trường và đạt yêu cầu trở lên	55/55	x		Tiếp tục duy trì						
5.9	100% hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đi thực tế theo quy định	55/55	x		Tiếp tục duy trì						

8	Có báo cáo kiến nghị, đề xuất tình ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan Trung ương từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên		x		Tiếp tục duy trì								
9	5 năm xuất bản được ít nhất 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (không kể tài liệu, giáo trình về đào tạo, bồi dưỡng)	Xuất bản 1/5		x	Từ kết quả nghiên cứu khoa học, hội thảo, tọa đàm khoa học, Trường sẽ biên soạn, xuất bản 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo có mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn	x	x	x	x	x	x		
3	Hàng năm xuất bản ít nhất 04 kỳ bản tin "Thông tin lý luận và thực tiễn"		x		Từ năm 2025 sẽ xuất bản 04 kỳ bản tin "Thông tin lý luận và thực tiễn" phát hành trong toàn quốc	x	x	x	x	x	x		
4	Trang thông tin điện tử (website) của Trường được cập nhật thường xuyên, có kết nối với một số trang của Tỉnh và của Trung ương		x		Tiếp tục duy trì								

V Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương (Điều 16, Quy định 11-QĐ/TW)										
1	Xây dựng tiêu chí văn hóa ứng xử trong nhà trường		x		Tiếp tục duy trì					
2	Có tập thể hoặc cá nhân tiêu biểu, xuất sắc được khen thưởng từ cấp tỉnh và tương đương trở lên trong thực hiện văn hóa công sở, văn hóa trường đảng theo quy định		x		Tiếp tục duy trì					
3	Thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh		x		Tiếp tục duy trì					
4	100% cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng theo quy định		x		Tiếp tục duy trì					
5	Tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ			x	Tiếp tục xây dựng tổ chức đảng vững mạnh	x	x	x	x	x
6	Hàng năm, trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ			x	Tiếp tục phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu về các nhiệm vụ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cơ quan cấp trên giao	x	x	x	x	x
7	Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường		x		Tiếp tục duy trì					
8	Tham gia có chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua, xây dựng được mô hình điển hình tiên tiến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn được cơ quan có thẩm quyền công nhận.		x		Tiếp tục duy trì					

PHỤ LỤC 03
KINH PHÍ ĐỀ ÁN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN VĂN CỪ CHUẨN MỨC 2
(Kèm theo Đề án số 02-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Nội dung chi	Kinh phí tính theo năm (VNĐ)					Tổng
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
1	Kinh phí đào tạo tiến sĩ	750.000.000	500.000.000	750.000.000	500.000.000	250.000.000	2.750.000.000
2	Kinh phí Tổ chức hội thảo, tọa đàm, đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh, xuất bản thông tin lý luận và thực tiễn và sách chuyên khảo						6.363.500.000
2.1	Hội thảo khoa học cấp Bộ (01 hội thảo) (áp dụng theo Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 và Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 02/4/2024 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)	95.000.000					95.000.000
2.2	Hội thảo khoa học cấp tỉnh (Mỗi năm 01 hội thảo) (áp dụng theo Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 và Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 và Nghị quyết số	95.000.000	95.000.000	95.000.000	95.000.000	95.000.000	475.000.000

2.3	Hội thảo khoa học cấp cơ sở (Mỗi năm 04 hội thảo) (áp dụng theo Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 và Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 02/4/2024 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)	196.180.000	196.180.000	196.180.000	196.180.000	196.180.000	980.900.000
2.4	Đề tài khoa học cấp cơ sở (Mỗi năm 5 nhiệm vụ: Bao gồm thù lao thực hiện nhiệm vụ và hoạt động của các hội đồng)	650.000.000	650.000.000	650.000.000	650.000.000	650.000.000	3.250.000.000
2.5	Xuất bản sách chuyên khảo hoặc kỷ yếu Hội thảo khoa học (Chưa bao gồm thù lao viết, Ban Biên tập)	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	250.000.000
2.6	Xuất bản báo tin Thông tin lý luận và thực tiễn (Mỗi năm 4 số bao gồm thù lao bài viết, Ban Biên tập, in phát hành)	262.520.000	262.520.000	262.520.000	262.520.000	262.520.000	1.312.600.000
3	Kinh phí đầu tư trang thiết bị công nghệ, xây dựng phòng học thông minh và nâng cấp hoàn thiện máy chủ thực hiện chuyển đổi số (có biểu chi tiết kèm theo)	8.340.000.000					8.340.000.000
4	Kinh phí mua sắm tài vụ, tủ ở ký túc xá, rèm các phòng học 02 cơ sở				1.010.000.000		1.010.000.000

BIỂU KÈM THEO PHỤ LỤC 3

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Kinh phí
A	Điểm danh lớp học Triển khai giải pháp cho 12 phòng học - Điểm danh sinh viên bằng nhận diện khuôn mặt. - Kiểm soát ra vào tự động			3.100.000.000
I	Thiết bị, vật tư			3.000.000.000
1	Camera DOME giám sát người ra/vào phòng học	Chiếc	12	
2	Hộp đế cho camera	Chiếc	12	
3	Camera PTZ giám sát bên trong học	Chiếc	12	
4	Chân đế cho camera PTZ	Chiếc	12	
5	Máy chủ xử lý AI	Bộ	1	
6	Máy tính vận hành	Bộ	1	
7	Máy tính vận hành Mini(dùng để nhận biết đã được điểm danh)	Bộ	12	
8	Màn hình chuyên dụng 24 inch kèm giá treo tường thẳng	Bộ	12	
9	Phần mềm nền tảng: Phần mềm quản lý, xử lý sự kiện, giám sát, chia sẻ, trực quan hóa dữ liệu	Phần mềm/Server	1	
10	Bản quyền phần mềm nhận diện khuôn mặt	License	12	
11	Tủ rack 15U - D1000	Tủ	1	
12	Switch PoE	Chiếc	12	
13	Cáp mạng CAT6	Mét	210	
14	Gói vật tư phụ	Gói	1	
II	Nhân công triển khai lắp đặt			100.000.000

1	Nhân công triển khai lắp đặt, căn chỉnh, cấu hình camera	Chiếc	12	
2	Nhân công triển khai lắp đặt, cấu hình máy chủ	Bộ	1	
3	Nhân công triển khai lắp đặt tủ rack	Tủ	1	
4	Nhân công triển khai lắp đặt, cấu hình máy tính vận hành	Bộ	13	
5	Nhân công triển khai lắp đặt, cấu hình Switch	Chiếc	12	
6	Nhân công triển khai lắp đặt, đi dây mạng, ống ghen	Mét	1200	
7	Lắp đặt Màn hình, giá treo	Bộ	12	
8	Thuê dàn giáo, thang để lắp đặt camera, đi hạ tầng cable mạng, ống ghen trên cao	Gói	1	
9	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng, tài liệu hoàn công	Gói	1	
B	Màn hình LED Hệ thống màn hình LED Q2 H full color indoor cho 2 hội trường B3, H và Phòng họp tầng 3			700.000.000
I	Hệ thống LED hội trường tầng 1 (ngang 4,16m * cao 2,08m =8,6528m ² (ngang 13 tấm x cao 13 tấm))			210.000.000
1	Module LED Q2 H full color indoor, hệ số làm tươi 3840Hz	Cái	169	
2	Card thu ColorLight 5A75E	Cái	13	
3	Nguồn CZCL 5V60A	Cái	29	
4	Bộ xử lý hình ảnh ColorLight X4M	Cái	1	
5	Dây cáp bệ 0.8m	Cái	26	
6	Tủ điện QN-MINI/15KW	Cái	1	
7	Hệ thống khung màn LED	Hệ	1	
8	Nhân công triển khai	Gói	1	

II	Hệ thống LED hội trường tầng 3 (Ngang 2.24 m * cao 1.28 m =2.8672m2)			80.000.000
1	Module LED Q2 H full color indoor, hệ số làm tươi 3840Hz	tấm	56	
2	Nguồn CZCL 5V60A	Cái	10	
3	Card thu ColorLight E120	Cái	7	
4	Bộ xử lý hình ảnh ColorLight X4M	Cái	1	
5	Tủ điện QN-MINI/15KW	Cái	1	
6	Dây cáp bẹ 80 met	Cái	28	
7	Hệ thống khung màn LED	Hệ	1	
8	Nhân công triển khai	Gói	1	
III	Hệ thống LED hội trường nhà H (Ngang 6 m * cao 2.6 m =15.6m2)			410.000.000
1	Module LED Q2 H full color indoor, hệ số làm tươi 3840Hz	Cái	304	
2	Card thu ColorLight 5A75E	Cái	51	
3	Nguồn CZCL 5V60A	Cái	38	
4	Bộ xử lý hình ảnh ColorLight X4M	Cái	1	
5	Dây cáp bẹ 0.8m	Cái	6	
6	Tủ điện QN-MINI/15KW	Cái	1	
7	Hệ thống khung màn LED	Hệ	1	
8	Nhân công triển khai	Gói	1	
C	Nâng cấp, hoàn thiện Phòng máy chủ - Hoàn thiện hạ tầng tiêu chuẩn phòng máy chủ: sàn nâng, chống tĩnh điện, PCCC, điều hòa luân phiên. - Bổ sung firewall thế hệ mới (Next-Gen Firewall) và thiết bị lưu trữ backup (NAS/SAN).			940.000.000
1	Hệ thống PCCC	Hệ	1	
2	Hệ thống sàn nâng	m2	30	
3	Cửa chống cháy 1 cánh EI60	Chiếc	1	
4	Khóa vân tay	Chiếc	1	
5	Thiết bị ghi độ ẩm và nhiệt độ không dây, hoạt động bằng điện	Chiếc	1	

6	Cổng chuyển đổi tín hiệu bluetooth, hoạt động bằng điện	Chiếc	1	
7	Thẻ bản quyền sử dụng dịch vụ Cloud - Cloud License	Dịch vụ	1	
8	Điều hoà	Chiếc	1	
9	Điều hoà luân phiên	Chiếc	1	
10	Thiết bị tường lửa	Chiếc	1	
11	Thiết bị lưu trữ	Chiếc	1	
12	Nhân công lắp đặt	Gói	1	
D	Phần mềm quản lý đào tạo tổng thể			1.600.000.000
E	Quản lý thư viện điện tử và Số			1.000.000.000
F	Hệ thống thi trắc nghiệm trực tuyến			1.000.000.000
TỔNG CỘNG				8.340.000.000